

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 3 - 2024

"V/v ly hôn, trLh chấp nuôi con "

**NHÂN DLH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị OLh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thìn

Bà Đặng Thị Tuyết Hương

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Vương QuLg Thắng, bà Đặng Hiền Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2023/TLST - HNGĐ ngày 05/12/2023 về việc ly hôn, trLh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/02/2024 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Hà Thị ThLh X, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Phố T, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

** Bị đơn:* Lh Luyện X T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Phố T, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Nơi chấp hành án: Phân trại 7 - Trại giam XD - Trại giam T (Địa chỉ: Xã Tân Đức, huyện **Hàm Tân**, tỉnh **Bình Thuận**).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quL:*

- Cháu Luyện Huy L, sinh năm 2001 (vắng mặt)

- Cháu Luyện Ngọc L, sinh ngày 12/8/2007 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố Phố T, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật của cháu Luyện Ngọc L:

+ Chị Hà Thị ThLh X, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Phố T, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

+ Lh Luyện X T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Phố T, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Nơi chấp hành án: Phân trại 7 - Trại giam XD - Trại giam T (Địa chỉ: Xã Tân Đức, huyện **Hàm Tân**, tỉnh **Bình Thuận**).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Hà Thị ThLh X tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và Lh Luyện X T đăng ký kết hôn tại Ủy bL nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hải Dương năm 2000. Quá trình chung sống vợ

chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, Lh T không chung thủy; năm 2022 Lh T bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử về tội Buôn lậu xăng dầu và hiện đLg chấp hành án hình phạt tù. Hiện Lh chị đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, Lh chị không thể về chung sống cùng nhau. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Lh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Luyện Huy L, sinh năm 2001 và cháu Luyện Ngọc L, sinh ngày 12/8/2007, hiện chị không có thai. Cháu L đã thành niên nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị đề nghị được nuôi cháu L chị tự nguyện không yêu cầu Lh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung tuy nhiên chị và Lh T tự thỏa thuận nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Lh chị không nợ ai, không cho ai vay nợ nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng nông nghiệp: Chị không có ruộng nông nghiệp nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Vợ chồng chị không có công sức với hai bên gia đình nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai Lh T trình bày: Lh và chị X kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy bL nhân dân xã L như trình bày của chị X là đúng. Lh xác định quá trình chung sống Lh chị không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn do Lh còn yêu chị X. Lh chị có 02 con chung là cháu L và cháu L như trình bày của chị X. Về con riêng Lh xác định Lh có 01 con riêng là cháu Luyện Phú L sinh năm 2008 hiện đLg ở với mẹ là chị Vũ Thị L. Về tài sản chung, nợ chung Lh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu L xác định không liên quL đến Lh T, chị X về kinh tế; cháu đề nghị được ở với chị X.

Cháu L xác định giữa bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bố cháu mãi làm ăn không quL tâm tới mẹ cháu, kinh tế của bố mẹ độc lập, tiền của ai người đó sử dụng, ngoài ra bố cháu còn có con riêng với người phụ nữ khác. Cho đến nay cháu nhận thấy hôn nhân của bố mẹ không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho mẹ cháu được ly hôn với bố cháu. Cháu không liên quL gì với bố mẹ về kinh tế nên cháu tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Lh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị X, Lh T, cháu L, cháu L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M trình bày quL điểm: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị X được ly hôn Lh T. Giao cháu L cho chị X chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên; Lh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức do Lh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Về

con riêng không phải giải quyết. Chị X phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quL toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: TrLh chấp giữa chị Hà Thị ThLh X và Lh Luyện X T là trLh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, trLh chấp nuôi con. Chị X có đơn khởi kiện ly hôn với Lh T, Lh T hiện đăng ký thường trú tại phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị X, Lh T, cháu L, cháu L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quL hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của chị X, Lh T cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy bL nhân dân xã L, nên có đủ căn cứ xác định chị X, Lh T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy bL nhân dân xã L năm 2000 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của Lh chị là hợp pháp và việc chị X khởi kiện ly hôn đối với Lh T sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập các đương sự đến để hòa giải nhưng Lh T chấp hành án hình phạt tù, Lh đề nghị vắng mặt nên việc hòa giải giữa vợ chồng Lh chị không tiến hành được. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Lh T, chị X là vợ chồng, có thời giL chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì sống ly thân nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, Lh T có con riêng với người phụ nữ khác và hiện chấp hành án hình phạt tù. Lh T xác định còn tình cảm với chị X nên không đồng ý ly hôn, chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết xin ly hôn Lh T. Hội đồng xét xử nhận thấy Lh T mặc dù xác định còn tình cảm với chị X nhưng không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng, bản thân Lh T thừa nhận có con riêng thể hiện sự không chung thủy trong quL hệ vợ chồng. Tại biên bản lấy lời khai cháu L xác định Lh chị chung sống không hạnh phúc, Lh T có 01 người con riêng, giữa Lh chị chỉ còn trách nhiệm với nhau do có con chung là cháu L và cháu L; cháu L đề nghị Tòa án giải quyết cho Lh chị được ly hôn. Tất cả những tình tiết trên đã phản ánh tình trạng hôn nhân giữa Lh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của chị X về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Lh T là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Lh chị có 02 con chung là cháu Luyện Huy L, sinh năm 2001 và cháu Luyện Ngọc L, sinh ngày 12/8/2007. Quá trình giải quyết vụ án chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu L, chị không yêu cầu Lh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Xét yêu cầu nuôi con của chị X thì thấy: Hiện cháu L đã thành niên chị X tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Đối với cháu L; Lh T hiện đLg chấp hành án hình phạt tù; chị X có chỗ ở, thu nhập đủ điều kiện để nuôi con; cháu L hiện đLg sống cùng chị X, mặt khác bản thân cháu L đề nghị được ở với chị X nên Hội đồng xét xử giao chị X nuôi cháu L là phù hợp và đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu. Chị X tự nguyện không yêu cầu Lh T cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu của chị X là hợp pháp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Sau này, Lh T có yêu cầu nuôi con chung thì giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

[2.3]. Về con riêng: Quá trình giải quyết vụ án Lh T xác định có 01 con riêng là cháu Luyện Phú L với chị Vũ Thị L tuy nhiên Lh T không cung cấp thông tin địa chỉ cụ thể của cháu L và chị L; chị X cũng không biết thông tin cụ thể về cháu L và chị L. Tòa án bL hành Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ đối với Lh T về việc yêu cầu Lh T cung cấp tài liệu chứng cứ liên quL đến con riêng của Lh T tuy nhiên Lh T không cung cấp và không có yêu cầu đề nghị gì nên Tòa án không đặt ra để xét. Sau này nếu Lh T có yêu cầu giải quyết về con riêng sẽ giải quyết trong vụ án khác. Đối với việc Lh T có con riêng trong thời kỳ hôn nhân với chị X, Tòa án đã có công văn thông báo đến Công L phường B để xem xét giải quyết theo quy định.

[2.4]. Về tài sản chung, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, Lh T, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bL Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Về quL hệ hôn nhân: Chị Hà Thị ThLh X được ly hôn Lh Luyện X T.

Về con chung: Giao cháu Luyện Ngọc L, sinh ngày 12/8/2007 cho chị Hà Thị ThLh X chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu L thành niên (đủ 18 tuổi)

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Lh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X.

Lh T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở Lh T thực hiện quyền này.

Lh T, chị X có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

Án phí: Chị Hà Thị ThLh X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị X đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001587 ngày 05/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M. Chị X đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- Phòng KTNV &THS TLD tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

NGUYỄN THỊ OLH

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

NGUYỄN THỊ OLH

